

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC CƠ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Số: 87/NQ-HĐND

Đức Cơ, ngày 18 tháng 8 năm 2021

**NGHỊ QUYẾT
Về kế hoạch đầu tư công năm 2021**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC CƠ
KHOÁ VII - KỲ HỌP THỨ BA (KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ)**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ Quy
định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ Nghị quyết số 128/2020/NQ-HĐND, ngày 09/11/2020 của HĐND
tỉnh Gia Lai Về ban hành quy định các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ
vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn
tỉnh Gia Lai;*

*Căn cứ Nghị quyết số 86/NQ-HĐND ngày 18/8/2021 của Hội đồng nhân
dân huyện về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025;*

*Sau khi xem xét Tờ trình số 163/TTr-UBND, ngày 04/8/2021 của UBND
huyện về việc phê duyệt kế hoạch đầu tư công năm 2021; Báo cáo kết quả thẩm tra
của Ban Kinh tế- Xã hội Hội đồng nhân dân huyện; ý kiến thảo luận của các đại
biểu Hội đồng nhân dân huyện.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quyết định kế hoạch đầu tư công năm 2021 từ nguồn vốn tỉnh phân
cấp cho huyện quyết định đầu tư và nguồn vốn tiền sử dụng đất, như sau:

1. Tổng vốn đầu tư công năm 2021: 45,354 tỷ đồng, bao gồm:

- | | |
|--|----------------|
| - Nguồn vốn tỉnh phân cấp huyện quyết định đầu tư: | 21,354 tỷ đồng |
| - Nguồn vốn tiền sử dụng đất: | 24,000 tỷ đồng |

Chia ra:

- | | |
|--|---------------|
| + Tiền sử dụng đất do huyện đầu tư: | 17,00 tỷ đồng |
| + Tiền sử dụng đất phân cấp cho xã đầu tư: | 7,00 tỷ đồng |

2. Danh mục và mức vốn bố trí cho từng dự án: Có các biểu mẫu kèm theo.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

- Giao Ủy ban nhân dân huyện tổ chức thực hiện Nghị quyết này.
- Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, các Ban Hội đồng nhân dân huyện, Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện theo dõi, giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện khoá VII, Kỳ họp thứ Ba thông qua ngày 18 tháng 8 năm 2021 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua.//

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Sở Tài chính;
- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND, UBND huyện;
- Ủy ban MTTQVN huyện;
- Các vị đại biểu HĐND huyện;
- Các cơ quan, đơn vị huyện;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Lưu VT-VP.



CHỦ TỊCH

Phan Quang Thái

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021

(Kèm theo Nghị quyết số 87/NQ-HĐND, ngày 18 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng nhân dân huyện)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Nội dung thiết kế	Quyết định chủ trương đầu tư		Kế hoạch đầu tư năm 2021	Ghi chú
					Số, ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư		
	TỔNG CỘNG						45.354	
A	Nguồn vốn ngân sách tỉnh phân cấp cho huyện quyết định đầu tư					22.214	21.354	
1	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Trỗi	Thị trấn Chư Ty	Năm 2021	Nhà học 04 phòng học lý thuyết + 02 phòng bộ môn, 01 phòng thiết bị, 01 phòng thư viện; Nhà 02 tầng; DTXD: 393,5m ² ; DTS: 750,2m ² ; sân BT và nhà vệ sinh, thiết bị	1644/QĐ-UBND ngày 13/10/2020	5.250	5.090	
2	Trường Tiểu học Bùi Thị Xuân	Xã Ia Dìn	Năm 2021	Nhà học 04 phòng học lý thuyết + 02 phòng học bộ môn, 01 phòng thiết bị, 01 phòng thư viện và các hạng mục phụ, thiết bị	1084/QĐ-UBND ngày 12/7/2021	5.300	5.000	
3	Nhà văn hóa xã Ia Kla	xã Ia Kla	Năm 2021	Nhà cấp III, 01 tầng, DTXD 374m ² và các hạng mục phụ, thiết bị	996/QĐ-UBND ngày 05/7/2021	2.840	2.700	
4	Trụ sở UBND thị trấn Chư Ty	Thị trấn Chư Ty	Năm 2021	Hội trường nhà 01 tầng; DTXD: 413 m ² và các hạng mục phụ, thiết bị	2018/QĐ-UBND ngày 30/12/2020	3.750	3.650	
5	Nâng cấp, mở rộng đường Lê Lợi (Đoạn phía Bắc Đường Quang Trung)	Thị trấn Chư Ty	Năm 2021	Chiều dài L= 0,25 km; Bn= 17,0 m, Bm=10,5m; bê tông nhựa, đan rãnh, bó vỉa, hệ thống thoát nước;	1681/QĐ-UBND ngày 19/10/2020	3.000	2.880	



STT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Nội dung thiết kế	Quyết định chủ trương đầu tư		Kế hoạch đầu tư năm 2021	Ghi chú
					Số, ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư		
6	Duy tu, bảo dưỡng Đường Chu Văn An, đường Lê Duẩn	Thị trấn Chư Ty	Năm 2021	Sửa chữa nền, mặt đường, hệ thống thoát nước	755/QĐ-UBND ngày 28/5/2021	1.500	1.460	
7	Chuẩn bị đầu tư					574	574	
B	Nguồn vốn tiền sử dụng đất					30.330	24.000	
I	Tiền sử dụng đất do huyện đầu tư					23.330	17.000	
1	Bồi thường hỗ trợ và tái định cư để thực hiện dự án đường liên xã Ia Krêl- Ia Kla	Huyện Đức Cơ	Năm 2021		83/NQ-HĐND ngày 18/8/2021	8.170	8.170	-
2	Chi công tác đo đạc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Huyện Đức Cơ	Năm 2021			883	883	-
3	Tiền sử dụng đất trích nộp quỹ phát triển đất của tỉnh (bổ sung số còn thiếu năm 2020)	Huyện Đức Cơ	Năm 2021			357	357	
4	Lập quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Đức Cơ	Huyện Đức Cơ	Năm 2021-2022			2.090	1.600	
5	Quy hoạch chi tiết các điểm dân cư, điều chỉnh quy hoạch, cắm mốc quy hoạch	Huyện Đức Cơ	Năm 2021			1.330	1.330	

STT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Quyết định chủ trương đầu tư		Kế hoạch đầu tư năm 2021	Ghi chú
					Số, ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư		
6	Đường Quy hoạch Đ2, Đ3, Đ4, Đ5, Đ6, Đ8, Tổ dân phố 7, thị trấn Chư Ty	Thị trấn Chư Ty	Năm 2021-2022	Chiều dài L=1,125km, Bn=11,9 ÷ 14,9 m, Bm= 7,5 ÷ 10,5 m, đá dăm láng nhựa, TCN 4,5kg/m ² ; đan rãnh bó vỉa, vỉa hè và hệ thống thoát nước	1782/QĐ-UBND ngày 06/11/2020	7.500	1.660	
7	Hỗ trợ Chương trình kiên cố hóa hạ tầng giao thông và kênh mương	Các xã, thị trấn	Năm 2021			3.000	3.000	
II	Tiền sử dụng đất phân cấp cho xã đầu tư					7.000	7.000	chi tiết có phụ biểu kèm theo





KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021

Phụ biểu: Nguồn vốn tiền sử dụng đất phân cấp cho xã đầu tư

(Kèm theo Nghị quyết số 8/NQ-HĐND, ngày 18 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng nhân dân huyện)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Địa phương	Dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2021	Ghi chú
	TỔNG SỐ	7.000	
1	Xã Ia Nan	1.600	
2	Xã Ia Pnôn	160	
3	Xã Ia Dom	896	
4	Xã Ia Kriêng	1.768	
5	Xã Ia Krêl	1.040	
6	Xã Ia Din	1.120	
7	Xã Ia Dơk	80	
8	Xã Ia Kla	240	
9	Xã Ia Lang	96	